

**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN GODITECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN GODITECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301167292

**3. Ngày thành lập:** 24/02/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0964303893

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4321(Chính) |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4649        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn thiết bị vệ sinh: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác.; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663        |
| 6.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4752        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4311        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312 |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330 |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410 |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8299 |
| 12. | Sản xuất máy thông dụng khác<br>Chi tiết: - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu; - Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô; - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình; - Sản xuất thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột như: Súng phun, bình cứu hoả, máy phun luồng cát, máy làm sạch hơi... - Sản xuất miếng đệm và miếng hàn tương tự được làm từ kim loại hỗn hợp hoặc lớp kim loại đó ; - Sản xuất quạt thông gió (quạt đầu hồi, quạt mái) | 2819 |
| 13. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác<br>Chi tiết: - Sản xuất máy bơm không khí hoặc chân không, máy nén khí và gas khác; - Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo; - Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô tô...                                                                                                                                                                                                                       | 2813 |
| 14. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2818 |
| 15. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2599 |
| 16. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2710 |
| 17. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2733 |
| 18. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2822 |
| 19. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như : + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, - Sản xuất găng tay.                | 3290 |
| 20. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3312 |
| 21. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3314 |
| 22. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: - Lắp đặt máy công nghiệp trong các nhà máy công nghiệp ; - Lắp đặt thiết bị kiểm soát quá trình công nghiệp ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3320 |
| 23. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn<br>Chi tiết: Cung cấp và lắp đặt các thiết bị phòng cháy, chữa cháy, chống sét, viễn thông, thiết bị bảo vệ và thiết bị quan sát.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8020 |

|     |                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                             | 2750 |
| 25. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế phòng cháy chữa cháy; Thiết kế cơ điện công trình xây dựng; Lập dự toán công trình xây dựng | 7110 |
| 26. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                        | 3811 |
| 27. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                              | 3821 |
| 28. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                          | 2592 |
| 29. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                        | 7120 |
| 30. | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết: Bơm, nạp bình chữa cháy                                                                                                           | 3319 |
| 31. | In ấn                                                                                                                                                                 | 1811 |
| 32. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                        | 4933 |
| 33. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                     | 4101 |
| 34. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy                                                                 | 4669 |
| 35. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                               | 4102 |
| 36. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                              | 4221 |
| 37. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                 | 4322 |
| 38. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                   | 4222 |
| 39. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                    | 4223 |
| 40. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                     | 4229 |
| 41. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                              | 4291 |
| 42. | Đào tạo sơ cấp<br>Chi tiết: Tập huấn phòng cháy chữa cháy                                                                                                             | 8531 |
| 43. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                       | 4292 |
| 44. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                 | 4293 |
| 45. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                            | 4299 |
| 46. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                     | 8129 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MẠNH PHÁT | Hoài Thượng, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                     | 1.000.000.000         | 33,333    | 125468224                                                                                                                                         |         |
| 2   | ĐỖ TIẾN DŨNG     | Tổ 4 xóm Sơn Tiến, Xã Quyết Thắng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam | 1.000.000.000         | 33,333    | 090679600                                                                                                                                         |         |
| 3   | HOÀNG HỮU TUÂN   | Chi Nhị, Xã Song Giang, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                      | 1.000.000.000         | 33,333    | 125530731                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG HỮU TUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/08/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125530731

Ngày cấp: 18/05/2018

Nơi cấp: Công an Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Chi Nhị, Xã Song Giang, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Chi Nhị, Xã Song Giang, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh